

CÔNG TY CỔ PHẦN QUỐC TẾ PHƯƠNG ANH

MST: 0900613295

===== * * * =====

BÁO CÁO TÀI CHÍNH QUÝ I

NĂM 2022

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN
 Tại ngày 31 tháng 03 năm 2022

Đơn vị tính: VND

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối kỳ	Số đầu năm
A. TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		679,570,935,257	518,900,611,267
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110	V.01	17,066,740,344	8,614,078,932
1. Tiền	111		17,066,740,344	4,196,314,014
2. Các khoản tương đương tiền	112		-	4,417,764,918
II. Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn	120		-	-
1. Chứng khoán kinh doanh	121		-	-
2. Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh (*)	122		-	-
3. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	123		-	-
III. Các khoản phải thu ngắn hạn	130		327,742,131,797	209,205,525,815
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	V.02	228,722,977,016	175,023,834,795
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	132	V.03	103,708,434,164	28,595,790,691
3. Phải thu nội bộ ngắn hạn	133		-	-
4. Phải thu theo tiến độ kế hoạch HĐXD	134		-	-
5. Phải thu về cho vay ngắn hạn	135	V.04	-	-
6. Các khoản phải thu ngắn hạn khác	136	V.05a	1,150,307,292	11,425,487,004
7. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi (*)	137	V.06	(5,839,586,675)	(5,839,586,675)
8. Tài sản thiếu chờ xử lý	139		-	-
IV. Hàng tồn kho	140	V.07	331,914,781,600	299,039,607,158
1. Hàng tồn kho	141		331,914,781,600	299,039,607,158
2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho (*)	149		-	-
V. Tài sản ngắn hạn khác	150		2,847,281,516	2,041,399,362
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151	V.10a	55,781,610	144,158,603
2. Thuế GTGT được khấu trừ	152		2,734,533,241	1,840,274,094
3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	153		56,966,665	56,966,665
4. Giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính phủ	154		-	-
5. Tài sản ngắn hạn khác	155		-	-
B. TÀI SẢN DÀI HẠN	200		175,463,816,586	176,459,580,295
I. Các khoản phải thu dài hạn	210		-	-
1. Phải thu dài hạn của khách hàng	211		-	-
2. Trả trước cho người bán dài hạn	212		-	-
3. Vốn kinh doanh của các đơn vị trực thuộc	213		-	-
4. Phải thu nội bộ dài hạn	214		-	-
5. Phải thu về cho vay dài hạn	215		-	-
6. Phải thu dài hạn khác	216	V.05b	-	-

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN
Tại ngày 31 tháng 03 năm 2022
 (Tiếp theo)

Đơn vị tính: VND

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối kỳ	Số đầu năm
II. Tài sản cố định	220		61,395,823,118	63,727,436,271
1. Tài sản cố định hữu hình	221	V.08	59,674,355,023	61,702,179,686
- Nguyên giá	222		130,764,633,245	130,764,633,245
- Giá trị hao mòn lũy kế(*)	223		(71,090,278,222)	(69,062,453,559)
2. Tài sản cố định thuê tài chính	224		1,721,468,095	2,025,256,585
- Nguyên giá	225		4,860,615,825	4,860,615,825
- Giá trị hao mòn lũy kế(*)	226		(3,139,147,730)	(2,835,359,240)
3. Tài sản cố định vô hình	227		-	-
- Nguyên giá	228		-	-
- Giá trị hao mòn lũy kế(*)	229		-	-
III. Bất động sản đầu tư	230	V.09	56,654,844,987	56,654,844,987
- Nguyên giá	231		56,654,844,987	56,654,844,987
- Giá trị hao mòn lũy kế (*)	232		-	-
IV. Tài sản dở dang dài hạn	240	V.11	3,906,485,970	2,451,109,086
1. Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang dài hạn	241		-	-
2. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242		3,906,485,970	2,451,109,086
V. Các khoản đầu tư tài chính dài hạn	250	V.12	53,003,533,569	53,003,533,569
1. Đầu tư vào công ty con	251		-	-
2. Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết	252		53,003,533,569	53,003,533,569
3. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	253		-	-
4. Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn (*)	254		-	-
5. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	255		-	-
VI. Tài sản dài hạn khác	260		503,128,942	622,656,382
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	V.10b	503,128,942	622,656,382
2. Tài sản thuê thu nhập hoãn lại	262		-	-
3. Thiết bị, vật tư, phụ tùng thay thế dài hạn	263		-	-
4. Tài sản dài hạn khác	268		-	-
TỔNG CỘNG TÀI SẢN	270		855,034,751,843	695,360,191,562

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN
Tại ngày 31 tháng 03 năm 2022
 (Tiếp theo)

Đơn vị tính: VND

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối kỳ	Số đầu năm
C. NỢ PHẢI TRẢ	300		478,185,425,653	334,633,825,934
I. Nợ ngắn hạn	310		477,772,925,653	334,015,075,934
1. Phải trả người bán ngắn hạn	311	V.13	186,725,641,777	107,056,544,423
2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312	V.14	1,534,137,192	431,788,960
3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	V.15	17,914,001,517	13,825,737,014
4. Phải trả người lao động	314		300,796,253	251,960,003
5. Chi phí phải trả ngắn hạn	315	V.17	656,610	255,388,716
6. Phải trả nội bộ ngắn hạn	316		-	-
7. Phải trả theo tiến độ kế hoạch HĐXD	317		-	-
8. Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn	318		-	-
9. Phải trả ngắn hạn khác	319	V.18	32,142,200	32,480,000
10. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320	V.16	271,025,937,254	211,921,563,968
11. Dự phòng phải trả ngắn hạn	321		-	-
12. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322		239,612,850	239,612,850
13. Quỹ bình ổn giá	323		-	-
14. Giao dịch mua bán lại Trái phiếu Chính phủ	324		-	-
II. Nợ dài hạn	330		412,500,000	618,750,000
1. Phải trả dài hạn người bán	331		-	-
2. Người mua trả tiền trước dài hạn	332		-	-
3. Chi phí phải trả dài hạn	333		-	-
4. Phải trả nội bộ về vốn kinh doanh	334		-	-
5. Phải trả nội bộ dài hạn	335		-	-
6. Doanh thu chưa thực hiện dài hạn	336		-	-
7. Phải trả dài hạn khác	337		-	-
8. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	338		412,500,000	618,750,000
9. Trái phiếu chuyển đổi	339		-	-
10. Cổ phiếu ưu đãi	340		-	-
11. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả	341		-	-
12. Dự phòng phải trả dài hạn	342		-	-
13. Quỹ phát triển khoa học công nghệ	343		-	-

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN
Tại ngày 31 tháng 3 năm 2022
(Tiếp theo)

Đơn vị tính: VND

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối kỳ	Số đầu năm
D. VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		376,849,326,190	360,726,365,628
I. Vốn chủ sở hữu	410	V.19	376,849,326,190	360,726,365,628
1. Vốn góp của chủ sở hữu	411		280,499,680,000	280,499,680,000
- Ngân sách	411A		-	-
- Tự bỏ sung	411B		280,499,680,000	280,499,680,000
2. Thặng dư vốn cổ phần	412		-	-
3. Quyền chọn chuyển đổi trái phiếu	413		-	-
4. Vốn khác của chủ sở hữu	414		-	-
5. Cổ phiếu quỹ (*)	415		-	-
6. Chênh lệch đánh giá lại tài sản	416		-	-
7. Chênh lệch tỷ giá hối đoái	417		-	-
8. Quỹ đầu tư phát triển	418		556,025,698	556,025,698
9. Quỹ hỗ trợ sắp xếp doanh nghiệp	419		-	-
10. Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	420		-	-
11. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		95,793,620,492	79,670,659,930
- LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối kỳ trước	421a		79,670,659,930	18,107,451,055
- LNST chưa phân phối kỳ này	421b		16,122,960,562	61,563,208,875
12. Nguồn vốn đầu tư XDCB	422		-	-
II. Nguồn kinh phí và các quỹ khác	430		-	-
1. Nguồn kinh phí	431		-	-
2. Nguồn kinh phí đã hình thành TSCĐ	432		-	-
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN	440		855,034,751,843	695,360,191,562

Hưng Yên, ngày 22 tháng 04 năm 2022

Người lập biểu

Kế toán trưởng

Chủ tịch HĐQT



CHỦ TỊCH HĐQT

KẾ TOÁN TRƯỞNG
Cao Thị Hải Yến

CHỦ TỊCH HĐQT
Cao Thị Hải Vân

BÁO CÁO
KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH
Quý I năm 2022

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Quý này năm nay	Quý này năm trước	Số lũy kế từ đầu năm đến cuối quý này (Năm nay)	Số lũy kế từ đầu năm đến cuối quý này (Năm trước)
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	VI.1	284,920,843,936	337,481,822,962	284,920,843,936	337,481,822,962
2. Các khoản giảm trừ	02			169,630,990		169,630,990
3. Doanh thu thuần bán hàng và cung cấp dịch vụ (10 = 01 - 02)	10		284,920,843,936	337,312,191,972	284,920,843,936	337,312,191,972
4. Giá vốn hàng bán	11	VI.2	258,540,094,084	326,474,683,033	258,540,094,084	326,474,683,033
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ (20 = 10 - 11)	20		26,380,749,852	10,837,508,939	26,380,749,852	10,837,508,939
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	VI.3	49,571,262	9,040,228	49,571,262	9,040,228
7. Chi phí tài chính	22	VI.4	4,586,978,267	4,423,174,502	4,586,978,267	4,423,174,502
- Trong đó: Chi phí lãi vay	23		4,586,978,267	4,423,174,502	4,586,978,267	4,423,174,502
8. Chi phí bán hàng	24	VI.5	444,403,579	436,623,076	444,403,579	436,623,076
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	25	VI.6	1,079,976,030	1,958,678,007	1,079,976,030	1,958,678,007
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh {30 = 20 + (21 - 22) - (24 + 25)}	30		20,318,963,238	4,028,073,582	20,318,963,238	4,028,073,582
11. Thu nhập khác	31	VI.7	5,090,400	224,891	5,090,400	224,891
12. Chi phí khác	32	VI.8	112,905,573	150,894,224	112,905,573	150,894,224
13. Lợi nhuận khác (40 = 31 - 32)	40		(107,815,173)	(150,669,333)	(107,815,173)	(150,669,333)
14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế (50 = 30 + 40)	50		20,211,148,065	3,877,404,249	20,211,148,065	3,877,404,249
15. Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	VI.9	4,088,187,503	821,438,740	4,088,187,503	821,438,740
16. Chi phí thuế TNDN hoãn lại	52		-	-	-	-

17. Lợi nhuận sau thuế TNDN (60 = 50 - 51 - 52)	60		16,122,960,562	3,055,965,509	16,122,960,562	3,055,965,509
18. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	V.19e	574.79	119.84	574.79	119.84
19. Lãi suy giảm trên cổ phiếu	71	VI.10				

Hung Yên, ngày 22 tháng 04 năm 2022

Người lập biểu



Kế toán trưởng



KẾ TOÁN TRƯỞNG
Cao Thị Hải Yến

Chủ tịch HĐQT



CHỦ TỊCH HĐQT
Cao Thị Hải Vân

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ
Theo phương pháp gián tiếp
Quý 1 năm 2022

CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Đơn vị tính: VND	
		Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	Năm trước
		Năm nay	Năm trước
I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh		(50,499,983,136)	13,772,074,087
1. Lợi nhuận trước thuế		20,211,148,065	3,877,404,249
2. Điều chỉnh cho các khoản		6,918,591,420	6,589,713,446
+ Khấu hao tài sản cố định		2,331,613,153	2,174,248,533
+ Các khoản dự phòng			
- (Lãi)/lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái			(7,709,589)
- (Lãi)/lỗ từ hoạt động đầu tư			
+ Chi phí lãi vay		4,586,978,267	4,423,174,502
3. Lợi nhuận/(lỗ) từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động		27,129,739,485	10,467,117,695
- (Tăng)/giảm các khoản phải thu		(119,430,865,129)	(100,285,513,373)
- (Tăng)/giảm hàng tồn kho		(32,875,174,442)	(5,172,606,682)
- Tăng/(giảm) các khoản phải trả		79,312,348,095	113,439,910,734
- (Tăng)/giảm chi phí trả trước		207,904,433	370,505,720
- Tiền lãi vay đã trả		(4,843,935,578)	(4,185,059,357)
- Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp			(862,280,650)
Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh		(50,499,983,136)	13,772,074,087
II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư		54,521,262	9,040,228
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các TS dài hạn khác			
2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các tài sản DH khác		4,950,000	
3. Tiền chi cho vay và mua các công cụ nợ của đơn vị khác			
4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác			
5. Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác			
6. Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác			
7. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia		49,571,262	9,040,228
III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính		58,898,123,286	391,832,820
1. Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận vốn góp của chủ sở hữu			
2. Tiền trả lại vốn góp cho CSH, mua lại CP của DN đã phát hành			
3. Tiền thu từ đi vay		189,951,706,701	164,712,085,127
4. Tiền chi trả nợ gốc vay		(130,847,333,415)	(164,114,002,307)
5. Tiền chi trả nợ gốc thuê tài chính		(206,250,000)	(206,250,000)
Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ		8,452,661,412	14,172,947,135
Tiền và tương đương tiền đầu kỳ		8,614,078,932	2,413,161,794
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ			
Tiền và tương đương tiền cuối kỳ		17,066,740,344	16,586,108,929

Hưng Yên, ngày 22 tháng 04 năm 2022

Chủ tịch HĐQT

Người lập biểu

Kế toán trưởng

KẾ TOÁN TRƯỞNG
Cao Thị Hải Yến



CHỦ TỊCH HĐQT

Hà Thị Hải Vân

CÔNG TY CỔ PHẦN QUỐC TẾ PHƯƠNG ANH

Địa chỉ: TDP Tứ Mỹ, Phường Phùng Chí Kiên, TX. Mỹ Hòa, tỉnh Hưng Yên
BÁO CÁO TÀI CHÍNH QUÝ I NĂM 2022

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH Quý 1 năm 2022

I. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG

1. Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần Quốc tế Phương Anh (sau đây gọi tắt là “Công ty”) là công ty cổ phần.

2. Lĩnh vực kinh doanh

Lĩnh vực kinh doanh của Công ty là thương mại, dịch vụ.

3. Ngành nghề kinh doanh

Hoạt động kinh doanh chủ yếu của Công ty là:

- Bán buôn kim loại và quặng kim loại;
- Gia công cơ khí; xử lý và tráng phủ kim loại;
- Bốc xếp hàng hóa;
- Bán buôn các loại sắt thép.

4. Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường

Chu kỳ sản xuất kinh doanh thông thường của Công ty không quá 12 tháng.

5. Tuyên bố về khả năng so sánh thông tin trên Báo cáo tài chính

Các số liệu tương ứng của năm trước so sánh được với số liệu của năm nay.

6. Nhân viên

Tại ngày kết thúc kỳ kế toán Công ty có 37 nhân viên đang làm việc

II. NĂM TÀI CHÍNH. ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN

1. Năm tài chính

Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 hàng năm.

2. Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán là Đồng Việt Nam (VND) do phần lớn các nghiệp vụ được thực hiện bằng đơn vị tiền tệ VND.

III. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG

1. Chế độ kế toán áp dụng

Công ty áp dụng các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam. Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam được ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 và các thông tư hướng dẫn thực hiện chuẩn mực kế toán của Bộ Tài chính trong việc lập và trình bày Báo cáo tài chính giữa niên độ.

CÔNG TY CỔ PHẦN QUỐC TẾ PHƯƠNG ANH

Địa chỉ: TDP Tứ Mỹ, Phường Phùng Chí Kiên, TX. Mỹ Hòa, tỉnh Hưng Yên
BÁO CÁO TÀI CHÍNH QUÝ I NĂM 2022

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

2. Tuyên bố về việc tuân thủ chuẩn mực kế toán và chế độ kế toán

Ban Tổng Giám đốc đảm bảo đã tuân thủ yêu cầu của các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam. Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam được ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 cũng như các thông tư hướng dẫn thực hiện chuẩn mực kế toán của Bộ Tài chính trong việc lập và trình bày Báo cáo tài chính giữa niên độ.

IV. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG

1. Cơ sở lập Báo cáo tài chính

Báo cáo tài chính được lập trên cơ sở kế toán dồn tích (trừ các thông tin liên quan đến các luồng tiền).

2. Các giao dịch bằng ngoại tệ

Các giao dịch phát sinh bằng ngoại tệ được chuyển đổi theo tỷ giá tại ngày phát sinh giao dịch. Số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại ngày kết thúc kỳ kế toán được quy đổi theo tỷ giá tại ngày này.

Chênh lệch tỷ giá phát sinh trong kỳ từ các giao dịch bằng ngoại tệ được ghi nhận vào doanh thu hoạt động tài chính hoặc chi phí tài chính. Chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại ngày kết thúc kỳ kế toán sau khi bù trừ chênh lệch tăng và chênh lệch giảm được ghi nhận vào doanh thu hoạt động tài chính hoặc chi phí tài chính.

Tỷ giá sử dụng để quy đổi các giao dịch phát sinh bằng ngoại tệ là tỷ giá giao dịch thực tế tại thời điểm phát sinh giao dịch. Tỷ giá giao dịch thực tế đối với các giao dịch bằng ngoại tệ được xác định như sau:

- Đối với hợp đồng mua bán ngoại tệ (hợp đồng mua bán ngoại tệ giao ngay, hợp đồng kỳ hạn, hợp đồng tương lai, hợp đồng quyền chọn, hợp đồng hoán đổi): tỷ giá ký kết trong hợp đồng mua, bán ngoại tệ giữa Công ty và ngân hàng.
- Đối với nợ phải thu: tỷ giá mua ngoại tệ của ngân hàng thương mại nơi Công ty chỉ định khách hàng thanh toán tại thời điểm giao dịch phát sinh.
- Đối với nợ phải trả: tỷ giá bán ngoại tệ của ngân hàng thương mại nơi Công ty dự kiến giao dịch tại thời điểm giao dịch phát sinh.
- Đối với các giao dịch mua sắm tài sản hoặc các khoản chi phí được thanh toán ngay bằng ngoại tệ (không qua các tài khoản phải trả): tỷ giá mua ngoại tệ của ngân hàng thương mại nơi Công ty thực hiện thanh toán.

Tỷ giá sử dụng để đánh giá lại số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại ngày kết thúc kỳ kế toán được xác định theo nguyên tắc sau:

- Đối với các khoản ngoại tệ gửi ngân hàng: tỷ giá mua ngoại tệ của ngân hàng nơi Công ty mở tài khoản ngoại tệ.
- Đối với các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ được phân loại là tài sản khác: tỷ giá mua ngoại tệ của Ngân hàng Đầu tư và Phát triển – Chi nhánh Thanh Xuân (Ngân hàng Công ty thường xuyên có giao dịch).

CÔNG TY CỔ PHẦN QUỐC TẾ PHƯƠNG ANH

Địa chỉ: TDP Tứ Mỹ, Phường Phùng Chí Kiên, TX. Mỹ Hào, tỉnh Hưng Yên
BÁO CÁO TÀI CHÍNH QUÝ I NĂM 2022

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

- Đối với các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ được phân loại là nợ phải trả: tỷ giá bán ngoại tệ của Ngân hàng Đầu tư và Phát triển – Chi nhánh Thanh Xuân (Ngân hàng Công ty thường xuyên có giao dịch).

3. Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền bao gồm tiền mặt và tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn.

4. Các khoản đầu tư tài chính

Các khoản cho vay

Các khoản cho vay được xác định theo giá gốc trừ đi các khoản dự phòng phải thu khó đòi. Dự phòng phải thu khó đòi của các khoản cho vay được lập căn cứ vào dự kiến mức tổn thất có thể xảy ra.

5. Các khoản phải thu

Các khoản nợ phải thu được trình bày theo giá trị ghi sổ trừ đi các khoản dự phòng phải thu khó đòi.

Việc phân loại các khoản phải thu là phải thu khách hàng và phải thu khác được thực hiện theo nguyên tắc sau:

- Phải thu của khách hàng phản ánh các khoản phải thu mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch có tính chất mua – bán giữa Công ty và người mua là đơn vị độc lập với Công ty, bao gồm cả các khoản phải thu về tiền bán hàng xuất khẩu ủy thác cho đơn vị khác.
- Phải thu khác phản ánh các khoản phải thu không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua – bán.

Dự phòng phải thu khó đòi được lập cho từng khoản nợ phải thu khó đòi căn cứ vào tuổi nợ quá hạn của các khoản nợ hoặc dự kiến mức tổn thất có thể xảy ra, cụ thể như sau:

- Đối với nợ phải thu quá hạn thanh toán:
 - 30% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ trên 6 tháng đến dưới 1 năm.
 - 50% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 1 năm đến dưới 2 năm.
 - 70% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 2 năm đến dưới 3 năm.
 - 100% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 3 năm trở lên.

Đối với nợ phải thu chưa quá hạn thanh toán nhưng khó có khả năng thu hồi: căn cứ vào dự kiến mức tổn thất để lập dự phòng.

Tăng, giảm số dư dự phòng nợ phải thu khó đòi cần phải trích lập tại ngày kết thúc kỳ kế toán được ghi nhận vào chi phí quản lý doanh nghiệp.

6. Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được ghi nhận theo giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được.

Giá gốc hàng tồn kho được xác định như sau:

- Nguyên vật liệu, hàng hóa: bao gồm chi phí mua và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại.
- Thành phẩm: bao gồm chi phí nguyên vật liệu, nhân công trực tiếp và chi phí sản xuất chung có liên quan trực tiếp được phân bổ dựa trên mức độ hoạt động bình thường.

CÔNG TY CỔ PHẦN QUỐC TẾ PHƯƠNG ANH

Địa chỉ: TDP Tứ Mỹ, Phường Phùng Chí Kiên, TX. Mỹ Hòa, tỉnh Hưng Yên

BÁO CÁO TÀI CHÍNH QUÝ I NĂM 2022

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Giá xuất kho được tính theo phương pháp bình quân gia quyền và được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

Giá trị thuần có thể thực hiện được là giá bán ước tính của hàng tồn kho trong kỳ sản xuất, kinh doanh bình thường trừ chi phí ước tính để hoàn thành và chi phí ước tính cần thiết cho việc tiêu thụ chúng.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được lập cho từng mặt hàng tồn kho có giá gốc lớn hơn giá trị thuần có thể thực hiện được. Tăng, giảm số dự phòng giảm giá hàng tồn kho cần phải trích lập tại ngày kết thúc kỳ kế toán được ghi nhận vào giá vốn hàng bán.

7. Chi phí trả trước

Chi phí trả trước bao gồm các chi phí thực tế đã phát sinh nhưng có liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều kỳ kế toán. Chi phí trả trước của Công ty chủ yếu là công cụ dụng cụ. Các chi phí trả trước này được phân bổ trong khoảng thời gian trả trước hoặc thời gian các lợi ích kinh tế tương ứng được tạo ra từ các chi phí này.

Công cụ, dụng cụ

Các công cụ, dụng cụ đã đưa vào sử dụng được phân bổ vào chi phí theo phương pháp đường thẳng với thời gian phân bổ không quá 36 tháng.

Chi phí sửa chữa tài sản cố định

Chi phí sửa chữa tài sản cố định phát sinh một lần có giá trị lớn được phân bổ vào chi phí theo phương pháp đường thẳng trong 24 tháng.

8. Tài sản cố định hữu hình

Tài sản cố định hữu hình được thể hiện theo nguyên giá trừ hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm toàn bộ các chi phí mà Công ty phải bỏ ra để có được tài sản cố định tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Các chi phí phát sinh sau ghi nhận ban đầu chỉ được ghi tăng nguyên giá tài sản cố định nếu các chi phí này chắc chắn làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai do sử dụng tài sản đó. Các chi phí phát sinh không thỏa mãn điều kiện trên được ghi nhận là chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ.

Khi tài sản cố định hữu hình được bán hay thanh lý, nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế được xóa sổ và lãi, lỗ phát sinh do thanh lý được ghi nhận vào thu nhập hay chi phí trong kỳ.

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính. Tỷ lệ khấu hao của các loại tài sản cố định hữu hình như sau:

<u>Loại tài sản cố định</u>	<u>Số năm</u>
Nhà cửa, vật kiến trúc	25 – 50
Máy móc và thiết bị	05 – 10
Phương tiện vận tải, truyền dẫn	07 – 08
Thiết bị, dụng cụ quản lý	03 – 06
Tài sản cố định khác	03 – 05

CÔNG TY CỔ PHẦN QUỐC TẾ PHƯƠNG ANH

Địa chỉ: TDP Tứ Mỹ, Phường Phùng Chí Kiên, TX. Mỹ Hòa, tỉnh Hưng Yên
BÁO CÁO TÀI CHÍNH QUÝ I NĂM 2022

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

9. Bất động sản đầu tư

Bất động sản đầu tư là quyền sử dụng đất được sử dụng nhằm mục đích thu lợi từ việc cho thuê hoặc chờ tăng giá. Bất động sản đầu tư cho thuê được thể hiện theo nguyên giá trừ hao mòn lũy kế. Nguyên giá của bất động sản đầu tư là toàn bộ các chi phí mà Công ty phải bỏ ra hoặc giá trị hợp lý của các khoản đưa ra để trao đổi nhằm có được bất động sản đầu tư tính đến thời điểm mua hoặc xây dựng hoàn thành.

Các chi phí liên quan đến bất động sản đầu tư phát sinh sau ghi nhận ban đầu được ghi nhận vào chi phí, trừ khi chi phí này có khả năng chắc chắn làm cho bất động sản đầu tư tạo ra lợi ích kinh tế trong tương lai nhiều hơn mức hoạt động được đánh giá ban đầu thì được ghi tăng nguyên giá.

Khi bất động sản đầu tư được bán, nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế được xóa sổ và lãi, lỗ nào phát sinh được hạch toán vào thu nhập hay chi phí trong kỳ.

Bất động sản đầu tư nắm giữ chờ tăng giá không được trích khấu hao. Trường hợp có bằng chứng chắc chắn cho thấy bất động sản đầu tư nắm giữ chờ tăng giá bị giảm giá so với giá trị thị trường và khoản giảm giá được xác định một cách đáng tin cậy thì bất động sản đầu tư nắm giữ chờ tăng giá được ghi giảm nguyên giá và tổn thất được ghi nhận vào giá vốn hàng bán.

10. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang phản ánh các chi phí liên quan trực tiếp (bao gồm cả chi phí lãi vay có liên quan phù hợp với chính sách kế toán của Công ty) đến các tài sản đang trong quá trình xây dựng, máy móc thiết bị đang lắp đặt để phục vụ cho mục đích sản xuất, cho thuê và quản lý cũng như chi phí liên quan đến việc sửa chữa tài sản cố định đang thực hiện. Các tài sản này được ghi nhận theo giá gốc và không được tính khấu hao.

11. Hợp đồng hợp tác kinh doanh

Hoạt động kinh doanh đồng kiểm soát

Công ty ghi nhận trên Báo cáo tài chính giữa niên độ các hợp đồng hợp tác kinh doanh dưới hình thức hoạt động kinh doanh đồng kiểm soát các nội dung sau:

- Giá trị tài sản mà Công ty hiện sở hữu.
- Các khoản nợ phải trả mà Công ty phải gánh chịu.
- Doanh thu được chia từ việc bán hàng hóa hoặc cung cấp dịch vụ của liên doanh.
- Các khoản chi phí phải gánh chịu.

12. Các khoản nợ phải trả và chi phí phải trả

Các khoản nợ phải trả và chi phí phải trả được ghi nhận cho số tiền phải trả trong tương lai liên quan đến hàng hóa và dịch vụ đã nhận được. Chi phí phải trả được ghi nhận dựa trên các ước tính hợp lý về số tiền phải trả.

Việc phân loại các khoản phải trả là phải trả người bán, chi phí phải trả và phải trả khác được thực hiện theo nguyên tắc sau:

- Phải trả người bán phản ánh các khoản phải trả mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch mua hàng hóa, dịch vụ, tài sản và người bán là đơn vị độc lập với Công ty, bao gồm cả các khoản phải trả khi nhập khẩu thông qua người nhận ủy thác.

CÔNG TY CỔ PHẦN QUỐC TẾ PHƯƠNG ANH

Địa chỉ: TDP Tứ Mỹ, Phường Phùng Chí Kiên, TX. Mỹ Hòa, tỉnh Hưng Yên
BÁO CÁO TÀI CHÍNH QUÝ I NĂM 2022

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

- Chi phí phải trả phản ánh các khoản phải trả cho hàng hóa, dịch vụ đã nhận được từ người bán hoặc đã cung cấp cho người mua nhưng chưa chi trả do chưa có hóa đơn hoặc chưa đủ hồ sơ, tài liệu kế toán và các khoản phải trả cho người lao động về tiền lương nghỉ phép, các khoản chi phí sản xuất, kinh doanh phải trích trước.
- Phải trả khác phản ánh các khoản phải trả không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua, bán, cung cấp hàng hóa dịch vụ.

Các khoản nợ phải trả và chi phí phải trả được phân loại ngắn hạn và dài hạn trên Bảng cân đối kế toán giữa niên độ căn cứ theo kỳ hạn còn lại tại ngày kết thúc kỳ kế toán.

13. **Vốn chủ sở hữu**

Vốn góp của chủ sở hữu

Vốn góp của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực tế đã góp của các cổ đông.

14. **Ghi nhận doanh thu và thu nhập**

Doanh thu bán hàng hoá

Doanh thu bán hàng hóa được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn các điều kiện sau:

- Công ty đã chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu hàng hóa cho người mua.
- Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa.
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn. Khi hợp đồng quy định người mua được quyền trả lại hàng hóa đã mua theo những điều kiện cụ thể, doanh thu chỉ được ghi nhận khi những điều kiện cụ thể đó không còn tồn tại và người mua không được quyền trả lại hàng hóa (trừ trường hợp khách hàng có quyền trả lại hàng hóa dưới hình thức đổi lại để lấy hàng hóa, dịch vụ khác).
- Công ty đã hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng.
- Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

Doanh thu cung cấp dịch vụ

Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn các điều kiện sau:

- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn. Khi hợp đồng quy định người mua được quyền trả lại dịch vụ đã mua theo những điều kiện cụ thể, doanh thu chỉ được ghi nhận khi những điều kiện cụ thể đó không còn tồn tại và người mua không được quyền trả lại dịch vụ đã cung cấp.
- Công ty đã hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó.
- Xác định được phần công việc đã hoàn thành vào thời điểm báo cáo.
- Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

Trường hợp dịch vụ được thực hiện trong nhiều kỳ thì doanh thu được ghi nhận trong kỳ được căn cứ vào kết quả phần công việc đã hoàn thành vào ngày kết thúc năm tài chính.

Doanh thu bán bất động sản

Doanh thu bán bất động sản mà Công ty là chủ đầu tư được ghi nhận khi thỏa mãn đồng thời tất cả các điều kiện sau:

CÔNG TY CỔ PHẦN QUỐC TẾ PHƯƠNG ANH

Địa chỉ: TDP Tứ Mỹ, Phường Phùng Chí Kiên, TX. Mỹ Hòa, tỉnh Hưng Yên
BÁO CÁO TÀI CHÍNH QUÝ I NĂM 2022

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

- Bất động sản đã hoàn thành toàn bộ và bàn giao cho người mua. Công ty đã chuyển giao rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu bất động sản cho người mua.
- Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý bất động sản như người sở hữu bất động sản hoặc quyền kiểm soát bất động sản.
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn.
- Công ty đã thu được hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán bất động sản.
- Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán bất động sản.

Trường hợp khách hàng có quyền hoàn thiện nội thất của bất động sản và Công ty thực hiện việc hoàn thiện nội thất của bất động sản theo đúng thiết kế, mẫu mã, yêu cầu của khách hàng theo một hợp đồng hoàn thiện nội thất bất động sản riêng thì doanh thu được ghi nhận khi hoàn thành, bàn giao phần xây thô cho khách hàng.

Tiền lãi

Tiền lãi được ghi nhận trên cơ sở thời gian và lãi suất thực tế từng kỳ.

15. Các khoản giảm trừ doanh thu

Các khoản giảm trừ doanh thu là hàng bán bị trả lại phát sinh cùng kỳ tiêu thụ hàng hóa, dịch vụ được điều chỉnh giảm doanh thu của kỳ phát sinh.

Trường hợp hàng hóa, dịch vụ đã tiêu thụ từ các kỳ trước, đến kỳ này mới phát sinh hàng bán trả lại thì được ghi giảm doanh thu theo nguyên tắc:

- Nếu khoản trả lại phát sinh trước thời điểm phát hành Báo cáo tài chính giữa niên độ: ghi giảm doanh thu trên Báo cáo tài chính giữa niên độ của kỳ này.
- Nếu khoản trả lại phát sinh sau thời điểm phát hành Báo cáo tài chính giữa niên độ: ghi giảm doanh thu trên Báo cáo tài chính giữa niên độ của kỳ sau.

16. Chi phí đi vay

Chi phí đi vay bao gồm lãi tiền vay và các chi phí khác phát sinh liên quan trực tiếp đến các khoản vay. Chi phí đi vay được ghi nhận vào chi phí khi phát sinh.

17. Các khoản chi phí

Chi phí là những khoản làm giảm lợi ích kinh tế được ghi nhận tại thời điểm giao dịch phát sinh hoặc khi có khả năng tương đối chắc chắn sẽ phát sinh trong tương lai không phân biệt đã chi tiền hay chưa.

Các khoản chi phí và khoản doanh thu do nó tạo ra phải được ghi nhận đồng thời theo nguyên tắc phù hợp. Trong trường hợp nguyên tắc phù hợp xung đột với nguyên tắc thận trọng, chi phí được ghi nhận căn cứ vào bản chất và quy định của các chuẩn mực kế toán để đảm bảo phản ánh giao dịch một cách trung thực, hợp lý.

18. Thuế thu nhập doanh nghiệp

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp là thuế thu nhập hiện hành, là khoản thuế được tính dựa trên thu nhập tính thuế. Thu nhập tính thuế chênh lệch so với lợi nhuận kế toán là do điều chỉnh các khoản chênh lệch tạm thời giữa thuế và kế toán, các chi phí không được trừ cũng như điều chỉnh các khoản thu nhập không phải chịu thuế và các khoản lỗ được chuyển.

CÔNG TY CỔ PHẦN QUỐC TẾ PHƯƠNG ANH

Địa chỉ: TDP Tứ Mỹ, Phường Phùng Chí Kiên, TX. Mỹ Hào, tỉnh Hưng Yên
BÁO CÁO TÀI CHÍNH QUÝ I NĂM 2022

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN GIỮA NIÊN ĐỘ

1. Tiền và các khoản tương đương tiền

Chỉ tiêu	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Tiền mặt	597.266.112	689.924.454
Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn	1.802.273.667	3.506.389.560
Các khoản tương đương tiền	14.667.200.565	4.417.764.918
Cộng	17.066.740.344	8.614.078.932

2. Phải thu ngắn hạn của khách hàng:

<i>Phải thu các bên liên quan</i>	Số cuối kỳ	Số đầu năm
<i>Phải thu các khách hàng</i>		
Cộng	228.722.977.016	175.023.834.795

3. Trả trước cho người bán ngắn hạn

<i>Trả trước cho các bên liên quan</i>	Số cuối kỳ	Số đầu năm
<i>Trả trước cho người bán</i>		
	103.708.434.164	28.595.790.691

4. Phải thu khác:

a. Phải thu ngắn hạn khác:

<i>Phải thu các bên liên quan</i>	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Tạm ứng	6.000.000	7.180.000
Ký quỹ, ký cược	170.307.004	170.307.004
Các khoản phải thu ngắn hạn khác	974.000.288	11.248.000.000
Cộng	1.150.307.292	11.425.487.004

b. Phải thu dài hạn khác:

<i>Phải thu các bên liên quan</i>	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Phải thu khác		
Cộng	0	0

CÔNG TY CỔ PHẦN QUỐC TẾ PHƯƠNG ANH

Địa chỉ: TDP Tứ Mỹ, Phường Phùng Chí Kiên, TX. Mỹ Hòa, tỉnh Hưng Yên
BÁO CÁO TÀI CHÍNH QUÝ I NĂM 2022

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

5. Nợ xấu

Các bên liên quan	Số cuối kỳ		Số đầu năm	
	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi
Dư Nợ 131	4.338.590.849	234.904.173	4.338.590.849	234.904.173
Công Ty TNHH TMDV Thép Đại Thành Phát SG	2.260.582.089	0	2.260.582.089	0
Công Ty CP TSC Hà Nội	519.868.800		519.868.800	
Công Ty TNHH TM và KK Minh Hiếu	460.224.740		460.224.740	
Công Ty TNHH SX TM Lâm Quan Thanh	421.548.384		421.548.384	
Công Ty CP Vật Liệu Hàn Thiện Phúc	189.262.427		189.262.427	
Công ty CP Đức Dương Việt Nam	443.864.265	221.932.132	443.864.265	221.932.132
Công ty TNHH Cơ khí chính xác Tân Minh Ngọc	43.240.144	12.972.041	43.240.144	12.972.041
Dư nợ 331	1.735.900.000		1.735.900.000	
Công Ty TNHH TV Quản Lý. PT DN	20.400.000		20.400.000	
TT xúc Tiến Doanh nghiệp	22.000.000		22.000.000	
CT TNHH IPS ENGINEERING	1.660.500.000		1.660.500.000	
Công Ty Chứng khoán hoàng gia	33.000.000		33.000.000	
Cộng	6.074.490.849	234.904.173	6.074.490.849	234.904.173

6. Hàng tồn kho

Chỉ tiêu	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Nguyên liệu, vật liệu	957.094.322	942.435.644
Công cụ, dụng cụ	79.975.017	80.681.767
Thành phẩm	2.677.872.084	2.131.843.376
Hàng hóa	328.199.840.177	295.884.646.371
Cộng	331.914.781.600	299.039.607.158

7. Chi phí trả trước ngắn hạn/dài hạn

7a. Chi phí trả trước ngắn hạn

Chỉ tiêu	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Chi phí công cụ, dụng cụ	55.781.610	144.158.603
Chi phí thuê văn phòng, nhà xưởng		
Các chi phí trả trước ngắn hạn khác		
Cộng	55.781.610	144.158.603

7b. Chi phí trả trước dài hạn

Chỉ tiêu	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Chi phí công cụ, dụng cụ	478.609.526	585.127.256
Chi phí sửa chữa		
Các chi phí trả trước dài hạn khác	24.519.416	37.529.126
Cộng	503.128.942	622.656.382

CÔNG TY CỔ PHẦN QUỐC TẾ PHƯƠNG ANH

Địa chỉ: TDP Tứ Mỹ, Phường Phùng Chí Kiên, TX. Mỹ Hào, tỉnh Hưng Yên
BÁO CÁO TÀI CHÍNH QUÝ I NĂM 2022

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

8. Tài sản cố định hữu hình

	Nhà cửa. vật kiến trúc	Máy móc và thiết bị	Phương tiện vận tải. truyền dẫn	Thiết bị. dụng cụ quản lý	Tài sản cố định khác	Cộng
Nguyên giá						
Số đầu năm	67.536.703.854	55.015.464.131	6.945.362.727	293.308.980	973.793.553	130.764.633.245
Tăng trong kỳ (tăng do mua sắm)						
Giảm trong kỳ (giảm do thanh lý TSCĐ)		(174.000.000)				(174.000.000)
Số cuối kỳ	67.536.703.854	54.841.464.131	6.945.362.727	293.308.980	973.793.553	130.590.633.245
Trong đó:						
Đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng						
Chờ thanh lý						
Giá trị hao mòn						
Số đầu kỳ	19.683.883.466	42.626.506.225	5.954.444.888	293.308.980	504.310.000	69.062.453.559
Khấu hao	703.701.490	1.037.036.154	263.612.841		23.474.178	2.027.824.663
Giảm khấu hao		(174.000.000)				(174.000.000)
Số cuối kỳ	20.387.584.956	43.489.542.379	6.218.057.729	293.308.980	527.784.178	70.916.278.222
Giá trị còn lại						
Số đầu kỳ	47.852.820.388	12.388.957.906	990.917.839		469.483.553	61.702.179.686
Số cuối kỳ	47.149.118.898	11.351.921.752	727.304.998	-	446.009.375	59.674.355.023

CÔNG TY CỔ PHẦN QUỐC TẾ PHƯƠNG ANH

Địa chỉ: TDP Tứ Mỹ, Phường Phùng Chí Kiên, TX. Mỹ Hòa, tỉnh Hưng Yên
BÁO CÁO TÀI CHÍNH QUÝ I NĂM 2022

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

9. Bất động sản đầu tư

Bất động sản đầu tư năm giữ chờ tăng giá	Số cuối kỳ	Giảm trong kỳ	Tăng trong kỳ	Số đầu năm
Nguyên giá	56.654.844.987	-	-	- 56.654.844.987
- Quyền sử dụng đất (*)	56.654.844.987	-	-	- 56.654.844.987
Giá trị hao mòn				
- Quyền sử dụng đất	-	-	-	-
Giá trị còn lại	56.654.844.987	-	-	- 56.654.844.987
- Quyền sử dụng đất	56.654.844.987	-	-	- 56.654.844.987

Danh mục bất động sản đầu tư tại ngày kết thúc kỳ kế toán như sau:

Bất động sản đầu tư	Nguyên giá	Hao mòn lũy kế	Giá trị còn lại
Quyền sử dụng đất thửa đất số 197, tờ bản đồ số 79 tại Đà Nẵng . diện tích 1052.2 m2 (1)	31.581.783.000	-	- 31.581.783.000
Quyền sử dụng đất thửa đất số 99, tờ bản đồ số 61 tại Đà Nẵng . diện tích 2002.9 m2 (2)	25.073.061.987	-	- 25.073.061.987
Cộng	56.654.844.987	-	- 56.654.844.987

(1) Là quyền sử dụng Thửa đất số 18 tờ bản đồ số 758 (nay là thửa đất số 197 tờ bản đồ số 79) tại Lô B7 Khu phức hợp đô thị, thương mại dịch vụ cao tầng và căn hộ đầu tuyến Sơn Trà - Điện Ngọc, phường Thọ Quang, quận Sơn Trà, thành phố Đà Nẵng căn cứ theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BA 645774, số vào sổ cấp GCN: CT01687 do Ủy ban nhân dân Thành phố Đà Nẵng cấp ngày 27 tháng 11 năm 2010 cho Công ty Cổ phần bất động sản Phương Trang, đã đăng ký chuyển nhượng cho Công ty Cổ phần Quốc tế Phương Anh theo hồ sơ số 001687.CN.006 ngày 17/01/2017 tại Văn phòng đất đai Thành phố Đà Nẵng.

(2) Là quyền sử dụng Thửa đất số 2 tờ bản đồ số A2-1 (nay là thửa đất số 99 tờ bản đồ số 61) tại Tổ hợp trung tâm thương mại, văn phòng cho thuê, nhà ở cao tầng và biệt thự cao cấp Sơn Trà - Điện Ngọc, thuộc dự án Khu tái định cư đầu tuyến Sơn Trà - Điện Ngọc, phường Thọ Quang, quận Sơn Trà, Đà Nẵng căn cứ theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BG 992090, số vào sổ cấp GCN: CT09442 do Ủy ban nhân dân Thành phố Đà Nẵng cấp ngày 04 tháng 10 năm 2011 cho Công ty Cổ phần đầu tư và phát triển hạ tầng Thăng Long, đã đăng ký chuyển nhượng cho Công ty cổ phần Quốc tế Phương Anh theo hồ sơ số 009442.CN.509 ngày 29/07/2016 tại Văn phòng đất đai Thành phố Đà Nẵng. Bất động sản đầu tư này đang được thế chấp cho khoản vay tại Ngân hàng TMCP Bưu điện Liên Việt - CN Hà Nội.

CÔNG TY CỔ PHẦN QUỐC TẾ PHƯƠNG ANH

Địa chỉ: TDP Tứ Mỹ, Phường Phùng Chí Kiên, TX. Mỹ Hòa, tỉnh Hưng Yên
BÁO CÁO TÀI CHÍNH QUÝ I NĂM 2022

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

10. Đầu tư tài chính dài hạn

Đầu tư tài chính dài hạn	Số cuối kỳ		Số đầu năm	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
Đầu tư góp vốn vào công ty liên doanh liên kết	53.003.533.569	-	-	-
Công ty CP Khách sạn Vườn Đào Hạ Long	53.003.533.569	-	-	-
Cộng	53.003.533.569	-	-	-

Tại thời điểm 31/03/2022. Công ty Cổ phần Quốc tế Phương Anh nắm giữ 4.500.000 cổ phần tương ứng 45% vốn điều lệ công ty Cổ phần Khách sạn Vườn Đào Hạ Long.

11. Phải trả người bán ngắn hạn

Chỉ tiêu	Số cuối kỳ	Số đầu năm
<i>Phải trả các bên liên quan</i>	-	-
<i>Phải trả các nhà cung cấp</i>	186.725.641.777	107.056.544.423

12. Người mua trả tiền trước ngắn hạn

Chỉ tiêu	Số cuối kỳ	Số đầu năm
<i>Trả trước của các bên liên quan</i>	-	-
<i>Trả trước của các khách hàng</i>	1.534.137.192	431.788.960

13. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước

Thuế và các khoản phải nộp	Số cuối kỳ		Số phát sinh trong kỳ		Số đầu năm	
	Phải nộp	Phải thu	Số phải nộp	Số đã nộp	Phải nộp	Phải thu
Thuế GTGT hàng nhập khẩu		23.829.364	405.641.399	405.641.399	-	23.829.364
Thuế xuất, nhập khẩu		33.137.301	203.928.570	203.928.570	-	33.137.301
Thuế thu nhập doanh nghiệp	16.782.864.387		4.088.187.503		12.694.676.884	
Thuế thu nhập cá nhân	407.851.825		77.000		407.774.825	-
Thuế nhà đất	287.128.800		51.273.000	51.273.000	287.128.800	
Phí, lệ phí và các khoản phải nộp khác	436.156.505		764.449.638	764.449.638	436.156.505	-
Cộng	17.914.001.517	56.966.665	5.513.480.187	1.425.292.607	13.825.737.014	56.966.665

CÔNG TY CỔ PHẦN QUỐC TẾ PHƯƠNG ANH

Địa chỉ: TDP Tứ Mỹ, Phường Phùng Chí Kiên, TX. Mỹ Hòa, tỉnh Hưng Yên
BÁO CÁO TÀI CHÍNH QUÝ I NĂM 2022

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Thuế giá trị gia tăng

Công ty nộp thuế giá trị gia tăng theo phương pháp khấu trừ. Thuế suất thuế giá trị gia tăng như sau:

Hàng xuất khẩu	0%
Bán hàng hóa. dịch vụ	8%
Bán hàng hóa. dịch vụ	10%

Thuế xuất. nhập khẩu

Công ty kê khai và nộp theo thông báo của Hải quan.

Các loại thuế khác

Công ty kê khai và nộp theo quy định.

14. Phải trả ngắn hạn khác

a. Chi phí phải trả ngắn hạn:

Phải trả các bên liên quan

Phải trả các bên liên quan

Số cuối kỳ

656.610

Số đầu năm

255.388.716

b. Chi phí phải trả ngắn hạn khác:

Phải trả các bên liên quan

Phải trả các đơn vị và cá nhân khác

Kinh phí công đoàn

32.142.200

32.175.,000

Bảo hiểm xã hội. bảo hiểm y tế và bảo hiểm thất nghiệp

0

305.000

Các khoản phải trả ngắn hạn khác

Cộng

32.142.200

32.480.000

15. Vay và nợ thuê tài chính:

a. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn:

Vay ngắn hạn ngân hàng	Số cuối kỳ		Số đầu năm	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
Vay ngắn hạn ngân hàng				
Ngân hàng TMCP Bưu điện Liên Việt - Chi nhánh Hà Nội (1)	119.941.949.199	119.941.949.199	119.957.275.587	119.957.275.587
Ngân hàng TMCP Sài Gòn - Hà Nội - Chi nhánh Vĩnh Phúc (2)	124.750.136.984	124.750.136.984	91.139.288.381	91.139.288.381
Ngân hàng Viettinbank – CN Thành An (3)	25.508.851.071	25.508.851.071	-	-
Nợ thuê tài chính dài hạn đến hạn trả (4)	825.000.000	825.000.000	825.000.000	825.000.000
Cộng	271.025.937.254	271.025.937.254	211.921.563.968	211.921.563.968

CÔNG TY CỔ PHẦN QUỐC TẾ PHƯƠNG ANH

Địa chỉ: TDP Tứ Mỹ, Phường Phùng Chí Kiên, TX. Mỹ Hòa, tỉnh Hưng Yên
BÁO CÁO TÀI CHÍNH QUÝ I NĂM 2022

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

(1) Hợp đồng tín dụng số HDTD1002021313 ngày 17/12/2021 ký kết giữa Ngân hàng TMCP Bưu điện Liên Việt - Chi nhánh Hà Nội và Công ty Cổ phần Quốc tế Phương Anh, với các điều khoản chi tiết sau:

- Hạn mức tín dụng: 120.000.000.000 VNĐ;
- Mục đích vay: Bổ sung vốn lưu động, phát hành bảo lãnh để phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh;
- Thời hạn của hợp đồng: 1 năm kể từ ngày 17/12/2021 đến 16/12/2022;
- Lãi suất cho vay: Quy định cụ thể trên từng khế ước nhận nợ;

Tài sản đảm bảo là tài sản của Công ty cụ thể như sau:

- Bất động sản thửa đất số 99, tờ bản đồ số 61, địa chỉ tại Tổ hợp Trung tâm Thương mại, Văn phòng cho thuê, Nhà ở cao tầng và Biệt thự cao cấp Sơn Trà - Điện Ngọc, thuộc dự án Khu tái định cư đầu tuyến Sơn Trà - Điện Ngọc, phường Thọ Quang, quận Sơn Trà, thành phố Đà Nẵng theo Giấy chứng nhận Quyền sử dụng đất, quyền sử hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số BD 992090; số vào sổ cấp GCN: CT09442 do UBND thành phố Đà Nẵng cấp ngày 04/10/2011.
- Các hạng mục công trình thuộc nhà máy gia công Inox Thành Nam tại thửa đất số 186, tờ bản đồ số 07, địa chỉ xã Phùng Chí Kiên, thị xã Mỹ Hòa, tỉnh Hưng Yên theo Giấy chứng nhận Quyền sử dụng đất, quyền sử hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số BD 561470; số vào sổ cấp GCN: CT 00471 do UBND tỉnh Hưng Yên cấp ngày 18/11/2011.
- Các khoản thu từ việc kinh doanh, khai thác giá trị của quyền sử dụng đất hoặc hạ tầng kỹ thuật trên đất tại thửa đất số 186, tờ bản đồ số 07, địa chỉ tại phường Phùng Chí Kiên, thị xã Mỹ Hòa, tỉnh Hưng Yên
- Xe ô tô tải nhãn hiệu Hyundai, biển kiểm soát: 89C-079.56 mang tên Công ty Cổ phần Quốc tế Phương Anh theo hợp đồng thế chấp số 237/2017/HĐTC/CNHaNoi ngày 13/10/2017
- Sổ tiết kiệm, hợp đồng tiền gửi, Bất động sản, ô tô thuộc quyền sở hữu của Công ty Cổ phần Quốc tế Phương Anh.

(2) Hợp đồng tín dụng số 26/2022/HĐHM-PN/SHB.112500 ngày 18/2/2022 ký kết giữa Ngân hàng TMCP Sài Gòn - Hà Nội - Chi nhánh Vĩnh Phúc và Công ty Cổ phần Quốc tế Phương Anh, với các điều khoản chi tiết sau:

- Hạn mức tín dụng: 158.000.000.000 VNĐ;
- Mục đích vay: Bổ sung vốn lưu động phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh thép các loại;
- Thời hạn của hợp đồng: 12 tháng;
- Lãi suất cho vay: Quy định cụ thể trên từng khế ước nhận nợ;

CÔNG TY CỔ PHẦN QUỐC TẾ PHƯƠNG ANH

Địa chỉ: TDP Tứ Mỹ, Phường Phùng Chí Kiên, TX. Mỹ Hào, tỉnh Hưng Yên
BÁO CÁO TÀI CHÍNH QUÝ I NĂM 2022

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Tài sản đảm bảo là tài sản của Công ty và bên thứ 3, chi tiết như sau:

- Bất động sản tại Thửa đất số 24, tờ bản đồ số 3, P, Mỹ Đình 2, Q, Nam Từ Liêm, TP Hà Nội theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số Đ314551, vào sổ cấp GCN QSDĐ số: 01051 QSDĐ/753/QĐ-UBH do UBND huyện Từ Liêm, thành phố Hà Nội cấp ngày 23/04/2004 .
- Tài sản trên đất
- Bất động sản tại thửa đất số 154, tờ bản đồ số 78, đường Vũ Ngọc Nhạ, khu phức hợp đô thị, thương mại dịch vụ cao tầng và căn hộ đầu tuyến Sơn Trà – Điện Ngọc, phường Thọ Quang, quận Sơn Trà, TP Đà Nẵng theo Giấy chứng nhận QSDĐ, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số CE722381, số vào sổ cấp GCN: CT113946 do Sở Tài nguyên và môi trường Thành phố Đà Nẵng cấp ngày 30/11/2016.
- Bất động sản tại Khu phức hợp đô thị, thương mại dịch vụ cao tầng và căn hộ đầu tuyến Sơn Trà – Điện Ngọc, phường Thọ Quang, quận Sơn Trà, TP Đà Nẵng theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số BA 645828, vào sổ cấp GCN số: CT01731 do UBND thành phố Đà Nẵng cấp ngày 09/12/2010 cho công ty cổ phần bất động sản Phương Trang.
- 01 xe ô tô tải có cần cầu nhãn hiệu HINO, BKS 29C-813,14, sản xuất năm 2015 tại Việt Nam theo giấy chứng nhận đăng ký xe ô tô số 277194 do Phòng cảnh sát giao thông công an thành phố Hà Nội cấp cho CN tại Hà Nội CTCP Quốc tế Phương Anh ngày 09/08/2016
- Quyền sở hữu hợp pháp 01 xe ô tô con, nhãn hiệu: JAGUAR, số loại: FTYPER, màu sơn: Đỏ, số khung: 67E8GMK24286, số máy:2321394508PS, số chỗ ngồi 02, Biển số đăng ký: 51F-736.41 theo đăng ký xe ô tô số 187740 do Phòng cảnh sát giao thông Công an thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 14/07/2016, đăng ký lần đầu ngày 14/07/2016.
- Quyền sử dụng đất tại phường Mỹ Đình 2, quận Nam Từ Liêm, TP Hà Nội theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sử dụng nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số BN940241, số Quyết định: 7222/QĐ-UBND, số vào sổ cấp GCN: CH03082 do UBND huyện Từ Liêm (cũ), TP Hà Nội cấp ngày 04/11/2013.
- Căn hộ chung cư số 1402A, diện tích: 159m² theo GCN quyền sử dụng đất , quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số BU 960461, số QĐ:1874/QĐ-UBND, số vào sổ cấp GCN: CH00418 do UBND quận Nam Từ Liêm TP Hà Nội cấp ngày 29/08/2014.
- Quyền sử dụng đất tại lô A16 khu phức hợp đô thị, thương mại dịch vụ cao tầng và căn hộ đầu tuyến Sơn Trà - Điện Ngọc, phường Thọ Quang, quận Sơn Trà, TP Đà Nẵng, theo GCN quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số BA 645827 số vào sổ GCN: CT01729 do UBND TP Đà Nẵng cấp ngày 09/12/2010.
- Quyền sử dụng đất tại lô B4.1-5 Tổ hợp trung tâm thương mại, văn phòng cho thuê, nhà ở cao tầng và biệt thự cao cấp Sơn Trà - Điện Ngọc, thuộc Dự án Khu tái định cư đầu tuyến Sơn Trà - Điện Ngọc, phường Thọ Quang, quận Sơn Trà, TP Đà Nẵng theo GCN quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản gắn liền với đất số BA 645940, số vào sổ cấp GCN CT01829 do UBND TP Đà Nẵng cấp ngày 31/12/2010.

CÔNG TY CỔ PHẦN QUỐC TẾ PHƯƠNG ANH

Địa chỉ: TDP Tứ Mỹ, Phường Phùng Chí Kiên, TX. Mỹ Hòa, tỉnh Hưng Yên
BÁO CÁO TÀI CHÍNH QUÝ I NĂM 2022

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

- Giấy chứng nhận QSD đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản gắn liền với đất số DD 410567 ngày 21/10/2021 cho Ông Hoàng Văn Thành và bà Bùi Ngọc Oanh đã chuyển nhượng cho bà Nguyễn Thị Thu Hằng ngày 12/01/2022
- Giấy chứng nhận QSD đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản gắn liền với đất số BG 925313 do UBND huyện Quốc Oai cấp ngày 05/01/2012 cho Bà Phùng Thị Mai Hương đã chuyển nhượng cho Ông Nguyễn Hùng Cường ngày 20/01/2022
- Giấy chứng nhận QSD đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản gắn liền với đất số AH 196361 do UBND huyện Quốc Oai cấp ngày 30/09/2008 cho bà Đinh Thị Tho đã đính chính chuyển nhượng cho Ông Nguyễn Hùng Cường ngày 20/01/2022
- Giấy chứng nhận QSD đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản gắn liền với đất số AH498534 ngày 07/03/2007 do UBND huyện Quốc Oai cấp cho bà Đinh Thị Tho đã đính chính chuyển nhượng cho Nguyễn Thị Thanh Nga ngày 22/02/2022

(3) Hợp đồng tín dụng số 01/2021-HĐCVHM/NHTC320-PAS ngày 28/12/2021 ký kết giữa Ngân hàng TMCP Công Thương Việt Nam – Chi nhánh Thành An và Công ty Cổ phần Quốc tế Phương Anh, với các điều khoản chi tiết sau:

- Hạn mức tín dụng: 40.000.000.000 VNĐ;
- Mục đích vay: Bổ sung vốn lưu động phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh thép các loại;
- Thời hạn của hợp đồng: 12 tháng;
- Lãi suất cho vay: Quy định cụ thể trên từng khung ước nhận nợ;

Tài sản đảm bảo là tài sản của Công ty và bên thứ 3, chi tiết như sau:

- TT3.15, Dự án đầu tư xây dựng nhà ở Ngân hàng BIDV, Khu đô thị Nam An Khánh, xã An Khánh, huyện Hoài Đức, thành phố Hà Nội).
- Khu Địa Đưng, xã Song Phượng, huyện Đan Phượng, Thành phố Hà Nội
- Quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất tại TT9.02 dự án đầu tư xây dựng nhà ở ngân hàng BIDV, khu đô thị Nam An Khánh, xã An Khánh, Hoài Đức, TP Hà Nội. Theo GCN QSD đất số DD 410598, vào sổ cấp GCN: CS 59430 do sở tài nguyên môi trường TP Hà Nội cấp ngày 21/10/2021

(4) Hợp đồng thuê tài chính số 39.19.03/CTTC ngày 29 tháng 8 năm 2019 ký kết giữa Công ty TNHH MTV Cho thuê tài chính NIITMCP Ngoại thương Việt Nam và Công ty Cổ phần Quốc tế Phương Anh, với các điều khoản chi tiết sau:

- Loại tài sản: Máy xén quay MINI ROTARY SHEAR MACHINE 2.0(2.3)t x 600w x 5ton, nhãn hiệu AMADA, xuất xứ Nhật Bản, sản xuất năm 2010, chất lượng đã qua sử dụng và phụ kiện kèm theo.
- Mục đích sử dụng: Phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh;

CÔNG TY CỔ PHẦN QUỐC TẾ PHƯƠNG ANH

Địa chỉ: TDP Tứ Mỹ, Phường Phùng Chí Kiên, TX. Mỹ Hòa, tỉnh Hưng Yên
BÁO CÁO TÀI CHÍNH QUÝ I NĂM 2022

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

- Tổng giá trị tài sản: 5.346.677.408 VNĐ đã bao gồm VAT, số tiền trả trước 2.046.677.408 VNĐ;
- Tổng giá trị nợ gốc: 3.300.000.000 VNĐ;
- Thời hạn thuê: 48 tháng;
- Lãi suất cho thuê: Áp dụng cụ thể tại thời điểm giải ngân;
- Số dư nợ gốc còn phải trả: 1.237.500.000 VNĐ;

Chi tiết vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn

Vay ngắn hạn ngân hàng	Số cuối kỳ	Số tiền vay đã trả trong kỳ	Số tiền vay phát sinh trong kỳ	Số đầu năm
Ngân hàng TMCP Bưu điện Liên Việt - Chi nhánh Hà Nội (1)	119.941.949.199	74.653.073.476	74.637.747.088	119.957.275.587
Ngân hàng TMCP Sài Gòn - Hà Nội - Chi nhánh Vĩnh Phúc (2)	124.750.136.984	56.194.259.939	89.805.108.542	91.139.288.381
Ngân hàng Viettinbank – CN Thủ Đức(3)	25.508.851.071		25.508.851.071	-
Cộng	270.200.937.254	130.847.333.415	189.951.706.701	211.096.563.968

b. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn:

Nợ thuê tài chính	Số cuối kỳ		Số đầu năm	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
Công ty TNHH MTV cho thuê tài chính Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam (4)	618.750.000	618.750.000	412.500.000	412.500.000
Cộng	618.750.000	618.750.000	412.500.000	412.500.000

(iii) Là khoản vay Công ty TNHH MTV cho thuê tài chính Ngân hàng TMCP ngoại thương Việt Nam theo Hợp đồng cho thuê tài chính số 39.19.03/CTTC ngày 29 tháng 08 năm 2019. Tài sản thuê: Máy xén quay MINI ROTARY SHEAR MACHINE 2.0(2.3)t x 600w x 5ton. nhãn hiệu AMADA. xuất xứ Nhật Bản. sản xuất năm 2010. chất lượng đã qua sử dụng và phụ kiện kèm theo. Mục đích sử dụng phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh. Tổng giá trị tài sản: 5.346.677.408 VNĐ bao gồm VAT. số tiền trả trước 2.046.677.408 VNĐ. dư nợ thuê gốc 3.300.000.000 VNĐ. Thời hạn cho thuê 48 tháng. lãi suất cho thuê được áp dụng từ thời điểm bên cho thuê giải ngân khoản tiền đầu tiên cho Công ty Cổ phần quốc tế Phương Anh và được điều chỉnh định kỳ 06 tháng/lần. Lãi suất áp dụng lãi suất cơ bản VNĐ do Công ty TNHH MTV cho thuê tài chính Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam công bố cộng biên độ 2.2%/năm. Thanh toán đều theo chu kỳ: nợ gốc 3 tháng/lần. nợ lãi 3 tháng/lần.

CÔNG TY CỔ PHẦN QUỐC TẾ PHƯƠNG ANH

Địa chỉ: TDP Tứ Mỹ, Phường Phùng Chí Kiên, TX. Mỹ Hòa, tỉnh Hưng Yên
BÁO CÁO TÀI CHÍNH QUÝ I NĂM 2022

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Chi tiết phát sinh của các khoản vay và nợ thuê tài chính như sau:

Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	Số cuối kỳ	Số tiền vay đã trả trong kỳ	Số tiền vay phát sinh trong kỳ	Số đầu năm
Vay dài hạn	412.500.000	206.250.000		618.750.000
Cộng	412.500.000	206.250.000		618.750.000

16. Vốn chủ sở hữu

a) Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu

Vốn chủ sở hữu	Vốn góp của chủ sở hữu	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	Cộng
Số dư đầu năm	280.499.680.000	79.670.659.930	360.170.339.930
Lợi nhuận Quý I	-	16.122.960.562	16.122.960.562
Chia cổ tức cho cổ đông		-	-
Số dư cuối kỳ này	280.499.680.000	95.793.620.492	376.293.300.492

b) Cổ phiếu

Cổ phiếu	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	28.049.968	28.049.968
Số lượng cổ phiếu đã phát hành/bán ra công chúng	28.049.968	28.049.968
Cổ phiếu phổ thông	28.049.968	28.049.968
Cổ phiếu ưu đãi	-	-
Số lượng cổ phiếu được mua lại	-	-
Cổ phiếu phổ thông	-	-
Cổ phiếu ưu đãi	-	-
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	28.049.968	28.049.968
Cổ phiếu phổ thông	28.049.968	28.049.968
Cổ phiếu ưu đãi	-	-

Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành: 10.000 VND.

CÔNG TY CỔ PHẦN QUỐC TẾ PHƯƠNG ANH

Địa chỉ: TDP Tứ Mỹ, Phường Phùng Chí Kiên, TX. Mỹ Hòa, tỉnh Hưng Yên
BÁO CÁO TÀI CHÍNH QUÝ I NĂM 2022

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH GIỮA NIÊN ĐỘ

17. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ

Chỉ tiêu	Lũy kế quý I năm 2022	Lũy kế quý I năm 2021
Doanh thu bán hàng hóa	282.089.000.234	335.817.858.234
Doanh thu cung cấp dịch vụ	1.956.370.676	1.526.010.182
Doanh thu khác	875.473.026	137.954.546
Cộng	284.920.843.936	337.481.822.962

18. Các khoản giảm trừ doanh thu

Chỉ tiêu	Lũy kế quý I năm 2022	Lũy kế quý I năm 2021
Hàng bán bị trả lại	-	169.612.720
Giảm giá hàng bán	-	18.270
Cộng	-	169.630.990

19. Giá vốn hàng bán

Chỉ tiêu	Lũy kế quý I năm 2022	Lũy kế quý I năm 2021
Giá vốn của hàng hóa đã bán	256.376.020.397	324.660.740.907
Giá vốn của dịch vụ đã cung cấp	2.164.073.687	1.813.932.126
Giá vốn bất động sản đầu tư đã bán		
Cộng	258.540.094.084	326.474.673.033

20. Doanh thu hoạt động tài chính

Chỉ tiêu	Lũy kế quý I năm 2022	Lũy kế quý I năm 2021
Lãi tiền gửi ngân hàng	49.571.262	9.040.228
Giảm lãi chênh lệch tỷ giá phát sinh do đánh giá sai năm trước		
Lãi chuyển nhượng cổ phần		
Lãi chênh lệch tỷ giá đánh giá lại		
Cộng	49.571.262	9.040.228

CÔNG TY CỔ PHẦN QUỐC TẾ PHƯƠNG ANH

Địa chỉ: TDP Tứ Mỹ, Phường Phùng Chí Kiên, TX. Mỹ Hòa, tỉnh Hưng Yên
BÁO CÁO TÀI CHÍNH QUÝ I NĂM 2022

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

21. Chi phí tài chính

Chỉ tiêu	Lũy kế quý I năm 2022	Lũy kế quý I năm 2021
Chi phí lãi vay	4.586.978.267	4.423.174.502
Giảm lỗ chênh lệch tỷ giá phát sinh do đánh giá sai năm trước		
Lỗ chênh lệch tỷ giá		
Giảm lỗ chênh lệch tỷ giá do đánh giá sai năm trước		
Lãi chậm trả		
Cộng	4.586.978.267	4.423.174.502

22. Chi phí bán hàng

Chỉ tiêu	Lũy kế quý I năm 2022	Lũy kế quý I năm 2021
Chi phí cho nhân viên	154.792.000	168.025.000
Chi phí dụng cụ, đồ dùng		2.080.808
Chi phí khấu hao tài sản cố định	129.247.656	117.510.567
Chi phí dịch vụ mua ngoài	47.650.672	53.947.607
Chi phí bằng tiền khác	112.713.251	95.059.094
Cộng	444.403.579	436.623.076

23. Chi phí quản lý doanh nghiệp

Chỉ tiêu	Lũy kế quý I năm 2022	Lũy kế quý I năm 2021
Chi phí cho nhân viên	234.967.000	508.512.000
Chi phí đồ dùng văn phòng	4.039.417	10.605.954
Chi phí khấu hao tài sản cố định	171.894.546	193.218.072
Thuế, phí và lệ phí	16.090.545	15.401.192
Chi phí dịch vụ mua ngoài	80.038.905	6.000.001
Chi phí bằng tiền khác	572.945.617	1.224.940.788
Trích lập dự phòng		
Hoàn nhập dự phòng		
Cộng	1.079.976.030	1.958.678.007

24. Thu nhập khác

Chỉ tiêu	Lũy kế quý I năm 2022	Lũy kế quý I năm 2021
Lãi thanh lý, nhượng bán tài sản cố định, bất động sản đầu tư	4.500.000	
Linh kiện được khuyến mại		
Xử lý công nợ		
Thu nhập khác	590.400	224.891
Cộng	5.090.400	224.891

CÔNG TY CỔ PHẦN QUỐC TẾ PHƯƠNG ANH

Địa chỉ: TDP Tứ Mỹ, Phường Phùng Chí Kiên, TX. Mỹ Hòa, tỉnh Hưng Yên
BÁO CÁO TÀI CHÍNH QUÝ I NĂM 2022

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

25. Chi phí khác

Chỉ tiêu	Lũy kế quý I năm 2022	Lũy kế quý I năm 2021
Tiền phạt thuế, phí lệ phí		
Chi phí khác	899.991	62.322.787
Chi phí khấu hao, chi phí không hợp lệ	112.005.582	88.571.437
Lỗi thanh lý, nhượng bán tài sản cố định		
Cộng	112.905.573	150.894.224

26. Lãi trên cổ phiếu

Lãi cơ bản/suy giảm trên cổ phiếu

Chỉ tiêu	Lũy kế quý I năm 2022	Lũy kế quý I năm 2021
Lợi nhuận kế toán sau thuế thu nhập doanh nghiệp	16.122.960.562	3.055.965.509
Lợi nhuận tính lãi cơ bản/suy giảm trên cổ phiếu	16.122.960.562	3.055.965.509
Số lượng bình quân gia quyền của cổ phiếu phổ thông đang lưu hành trong kỳ	28.049.968	25.500.000
Lãi cơ bản/suy giảm trên cổ phiếu	575	120

VII. NHỮNG THÔNG TIN KHÁC

1. Giao dịch và số dư với các bên liên quan

Các bên liên quan với Công ty bao gồm: các thành viên quản lý chủ chốt, các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt và bên liên quan khác.

1a. Giao dịch và số dư với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt

Các thành viên quản lý chủ chốt gồm: các thành viên Hội đồng quản trị và các thành viên Ban Tổng Giám đốc. Các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt là các thành viên mật thiết trong gia đình các thành viên quản lý chủ chốt.

Giao dịch với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt:

Công ty không phát sinh giao dịch bán hàng và cung cấp dịch vụ cũng như các giao dịch khác với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt.

Công nợ với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt

Công ty không có công nợ với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt.

1b. Giao dịch và số dư với bên liên quan khác

Giao dịch với các bên liên quan khác

Công ty không phát sinh giao dịch với công ty liên kết.

Công nợ với các bên liên quan khác

Công ty không có công nợ với bên liên quan khác.

CÔNG TY CỔ PHẦN QUỐC TẾ PHƯƠNG ANH

Địa chỉ: TDP Tứ Mỹ, Phường Phùng Chí Kiên, TX. Mỹ Hòa, tỉnh Hưng Yên
BÁO CÁO TÀI CHÍNH QUÝ I NĂM 2022

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

2. Sự kiện phát sinh sau ngày kết thúc kỳ kế toán

Không có sự kiện trọng yếu nào phát sinh sau ngày kết thúc kỳ kế toán yêu cầu phải điều chỉnh số liệu hoặc công bố trên Báo cáo tài chính giữa niên độ.

Lập ngày 22 tháng 4 năm 2022



Người lập biểu



Cao Thị Hải Yến
Kế toán trưởng



Hà Thị Hải Vân
Chủ tịch HĐQT